

Tỉnh: Đắk Lắk
Huyện: Lắk
Xã: Đắk Phơi

Biểu số 117/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024

(Quyết toán đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn)

Đơn vị: đồng

Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh(%)	
	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX	Thu NSNN	Thu NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
Tổng số thu	9.059.142.000	8.959.142.000	21.769.030.755	20.689.113.745	240,30	230,93
Các khoản thu phát sinh ngoài niên độ ngân sách năm trước						
I. Các khoản thu 100%	47.361.000	47.361.000	54.798.146	49.242.812	115,70	103,97
1. Phí, lệ phí	30.000.000	30.000.000	30.592.000	30.371.000	101,97	101,24
2. Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
3. Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
4. Thu phạt, tịch thu khác theo quy định	17.361.000	17.361.000	23.910.000	18.660.000	137,72	107,48
5. Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của nhà nước theo quy định						
6. Đóng góp của nhân dân theo quy định						
7. Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
8. Thu khác			296.146	211.812		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	334.000.000	234.000.000	1.448.180.790	373.819.114	433,59	159,75
1. Các khoản thu phân chia	110.000.000	10.000.000	308.770.996	15.000.000	280,70	150,00
1.1. Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
1.2. Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình			19.710.488			
1.3. Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh	10.000.000	10.000.000	15.000.000	15.000.000	150,00	150,00
1.4. Lệ phí trước bạ nhà, đất	100.000.000		274.060.508		274,06	
2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tính quy định	224.000.000	224.000.000	1.139.409.794	358.819.114	508,67	160,19
2.1. Thu tiền sử dụng đất			780.590.680			
2.2. Thu tiền thuê mặt đất, mặt nước						
2.3. Thuế tài nguyên						
2.4. Thuế giá trị gia tăng	69.000.000	69.000.000	82.319.689	82.319.689	119,30	119,30
2.5. Thuế thu nhập doanh nghiệp						
2.6. Thuế thu nhập cá nhân	155.000.000	155.000.000	276.499.425	276.499.425	178,39	178,39
2.7. Thuế tiêu thụ đặc biệt						
III. Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)						
IV. Thu chuyển nguồn			4.688.504.484	4.688.504.484		
V. Thu kết dư ngân sách năm trước			8.162.785	8.162.785		
VI. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	8.677.781.000	8.677.781.000	15.569.384.550	15.569.384.550	179,42	179,42
1. Bổ sung cân đối ngân sách	8.584.781.000	8.584.781.000	8.584.781.000	8.584.781.000	100,00	100,00
2. Bổ sung có mục tiêu	93.000.000	93.000.000	6.984.603.550	6.984.603.550	7.510,33	7.510,33

